

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số tài khoản trong Hệ thống
tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số
479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số
10/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 20/2004/QH11 ngày
15/6/2004;

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ Quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, sắp xếp lại các tài khoản cho vay (TK 20, 21, 22, 23, 24, 25, 27) tại
mục II trong hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) ban hành kèm
theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước như sau:

20	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
	201	Cho vay các TCTD trong nước bằng đồng Việt Nam	

		2011	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2012	Nợ cần chú ý
		2013	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2014	Nợ nghi ngờ
		2015	Nợ có khả năng mất vốn
	202	Cho vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	
		2021	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2022	Nợ cần chú ý
		2023	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2024	Nợ nghi ngờ
		2025	Nợ có khả năng mất vốn
	203	Cho vay các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	
		2031	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2032	Nợ cần chú ý
		2033	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2034	Nợ nghi ngờ
		2035	Nợ có khả năng mất vốn
	205	Chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác	
		2051	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2052	Nợ cần chú ý
		2053	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2054	Nợ nghi ngờ
		2055	Nợ có khả năng mất vốn
	209	Dự phòng rủi ro	
		2091	Dự phòng cụ thể
		2092	Dự phòng chung
21	Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước		

	211	Cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam	
		2111	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2112	Nợ cần chú ý
		2113	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2114	Nợ nghi ngờ
		2118	Nợ có khả năng mất vốn
	212	Cho vay trung hạn bằng đồng Việt Nam	
		2121	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2122	Nợ cần chú ý
		2123	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2124	Nợ nghi ngờ
		2125	Nợ có khả năng mất vốn
	213	Cho vay dài hạn bằng đồng Việt Nam	
		2131	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2132	Nợ cần chú ý
		2133	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2134	Nợ nghi ngờ
		2135	Nợ có khả năng mất vốn
	214	Cho vay ngắn hạn bằng ngoại tệ và vàng	
		2141	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2142	Nợ cần chú ý
		2143	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2144	Nợ nghi ngờ
		2145	Nợ có khả năng mất vốn
	215	Cho vay trung hạn bằng ngoại tệ và vàng	
		2151	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2152	Nợ cần chú ý

		2153	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2154	Nợ nghi ngờ
		2155	Nợ có khả năng mất vốn
	216	Cho vay dài hạn bằng ngoại tệ và vàng	
		2161	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2162	Nợ cần chú ý
		2163	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2164	Nợ nghi ngờ
		2165	Nợ có khả năng mất vốn
	219	Dự phòng rủi ro	
		2191	Dự phòng cụ thể
		2192	Dự phòng chung
22	Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá đối với các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước		
	221	Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam	
		2211	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2212	Nợ cần chú ý
		2213	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2214	Nợ nghi ngờ
		2215	Nợ có khả năng mất vốn
	222	Chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ	
		2221	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2222	Nợ cần chú ý
		2223	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2224	Nợ nghi ngờ
		2225	Nợ có khả năng mất vốn
	229	Dự phòng rủi ro	

		2291	Dự phòng cụ thể
		2292	Dự phòng chung
23	Cho thuê tài chính		
	231	Cho thuê tài chính bằng đồng Việt Nam	
		2311	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2312	Nợ cần chú ý
		2313	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2314	Nợ nghi ngờ
		2315	Nợ có khả năng mất vốn
	232	Cho thuê tài chính bằng ngoại tệ	
		2321	Nợ đủ tiêu chuẩn
		2322	Nợ cần chú ý
		2323	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2324	Nợ nghi ngờ
		2325	Nợ có khả năng mất vốn
	239	Dự phòng rủi ro	
		2391	Dự phòng cụ thể
		2392	Dự phòng chung
24	Bảo lãnh		
	241	Các khoản trả thay khách hàng bằng đồng Việt Nam	
		2412	Nợ cần chú ý
		2413	Nợ dưới tiêu chuẩn
		2418	Nợ nghi ngờ
		2415	Nợ có khả năng mất vốn
	242	Các khoản trả thay khách hàng bằng ngoại tệ	
		2422	Nợ cần chú ý
		2423	Nợ dưới tiêu chuẩn